

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 861/2022/DS-ST

Ngày: 25-5-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ái Long

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh
2. Bà Nguyễn Thanh Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Lê Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai đối với vụ án dân sự thụ lý số 0803/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2022/QĐXXST-DS ngày 04/4/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A

Địa chỉ: Lê Quang Định, Phường A, quận B, Thành phố C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn B

(Có đơn đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: Cách Mạng Tháng Tám, Phường A, Quận B, Thành phố C (Văn bản ủy quyền ngày 01/6/2020).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B (Vắng mặt)

Địa chỉ: Đinh Bộ Lĩnh, Phường A, quận B, Thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 6 năm 2020, bản tự khai và các biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 23/10/2019, bà Nguyễn Thị A có cho bà Nguyễn Thị B vay số tiền 45.000.000 (Bốn mươi lăm triệu) đồng. Thời hạn vay 02 tháng kể từ ngày 23/10/2019. Đến hạn trả nợ, bà A yêu cầu bà B thanh toán nhưng bà Khang cố tình trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như cam kết.

Vì vậy bà A khởi kiện yêu cầu bà B phải thanh toán cho bà số tiền là 46.490.000 đồng, bao gồm: Nợ gốc: 45.000.000 (Bốn mươi lăm triệu) đồng; tiền lãi chậm thanh toán theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước là: 1.490.000 đồng, thanh toán toàn bộ số tiền trên một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* *Bị đơn bà Nguyễn Thị B* đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 20/8/2020, 13/10/2020, 26/4/2022 nhưng bà Nguyễn Thị B vắng mặt không lý do.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:

Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Cụ thể: Thẩm phán xác định, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa; Việc cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho đương sự và Viện kiểm sát thực hiện theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 181 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên Thẩm phán còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

* Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định tại Điều 51 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay bị đơn không thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị A và bà Nguyễn Thị B là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đây là loại vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Theo kết quả cung cấp chứng cứ của Công an Phường A, quận B: Bị đơn - bà Nguyễn Thị B có đăng ký thường trú tại số Đỉnh Bộ Lĩnh, Phường A, quận B, Thành phố C. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn bà Nguyễn Thị B tham gia phiên tòa sơ thẩm xét xử lần nhất vào ngày 28/4/2022 và lần thứ hai vào ngày 25/5/2022 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị B.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị B thanh toán cho bà số tiền còn thiếu tạm tính đến ngày 24/4/2022 là: 54.450.000 đồng, bao gồm: Tiền gốc: 45.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả theo lãi suất cơ bản của

Ngân hàng Nhà nước: 9.450.000 đồng và không yêu cầu tính lãi đối với bà B kể từ ngày 25/4/2022, thanh toán toàn bộ số tiền trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử xét:

Theo nội dung Tờ cam kết ngày 23/10/2019 có chữ ký của bà Nguyễn Thị B có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị B có vay mượn của bà Nguyễn Thị A số tiền 45.000.000 đồng, cam kết 02 tháng (kể từ ngày 23/10/2019) sẽ trả. Đến hạn thanh toán, bà A đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà B cố tình né tránh không thực hiện việc trả nợ như cam kết. Do đó, bà A khởi kiện yêu cầu bà B thanh toán cho bà A số tiền nợ gốc 45.000.000 (Bốn mươi lăm triệu) đồng là có căn cứ chấp nhận.

Theo Tờ cam kết ngày 23/10/2019 giữa bà A và bà B thì đây là hợp đồng vay có thời hạn và không có lãi suất theo quy định tại Điều 470 Bộ luật dân sự.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự quy định: *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả”*.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 thì mức lãi suất áp dụng là 10%/năm. Do đó việc nguyên đơn bà A yêu cầu bị đơn bà B trả lãi với mức lãi suất 9%/năm theo mức lãi suất cơ bản của Nhà nước tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 24/12/2019 đến ngày 24/4/2022. Tổng cộng là 28 tháng: $45.000.000 \times (28 \text{ tháng} \times 9\%/\text{năm}) = 9.450.000$ đồng, là có căn cứ chấp nhận.

Ghi nhận ý kiến của nguyên đơn bà A không yêu cầu tính lãi đối với bà B kể từ ngày 25/4/2022.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền là: 54.450.000 đồng, bao gồm tiền gốc: 45.000.000 đồng, tiền lãi chậm trả theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước: 9.450.000 đồng và không yêu cầu tính lãi đối với bà B kể từ ngày 25/4/2022, thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận toàn bộ như lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh.

Trong khi đó, bị đơn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho phía bị đơn. Vì vậy, bị đơn đã tự từ bỏ quyền tranh tụng tại Tòa án để bảo vệ quyền lợi cho mình. Do vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét cho quyền lợi của bị đơn.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

Nguyên đơn bà A không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 146, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 267, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Áp dụng Luật án phí, lệ phí Tòa án số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tạ Mỹ Linh.

Bà Nguyễn Thị B có trách nhiệm thanh toán cho bà Nguyễn Thị A số tiền: 54.450.000 đồng, bao gồm:

- Tiền gốc: 45.000.000 đồng.
- Tiền lãi chậm trả theo lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước tính từ ngày 24/12/2019 đến ngày 24/4/2022. Tổng cộng là 28 tháng: $45.000.000 \times (28 \text{ tháng} \times 9\%/\text{năm}) = 9.450.000 \text{ đồng}$.

Bà A không yêu cầu tính lãi đối với bà B kể từ ngày 25/4/2022.

Thanh toán toàn bộ số tiền trên một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí dân sự sơ thẩm là 2.722.500 đồng bà Nguyễn Thị B phải chịu.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.162.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0087745 ngày 11/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- Chi cục THADS quận Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ái Long